

Số: 640/2019/GĐ-ST

Ngày: 16/7/2019

V/v : “*Tranh chấp xác nhận
không phải cha cho con*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Phú Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Xuyên
2. Bà Đặng Thị Ngọc Hằng

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Quốc Thông – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 tham gia phiên tòa:
Bà Đỗ Thị Thu Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2019, lúc 14 giờ 00 phút tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 332/2019/TLST-GĐ ngày 28 tháng 3 năm 2019 về việc “Tranh chấp xác định không phải cha cho con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2019/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông T, sinh năm 1968

Địa chỉ: 723/4 đường H, Phường A, Quận B, Tp. Hồ Chí Minh.

Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam Thủ Đức (Z30D), xã Đ, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện hợp pháp: Ông S và ông T1 là đại diện ủy quyền theo Giấy ủy quyền số ngày 04/4/2019. (có đơn xin xử vắng mặt)

Bị đơn: Bà T2, sinh năm 1981

Địa chỉ: 723/4 đường H, Phường A, Quận B, Tp. Hồ Chí Minh.

Tạm trú: số 242/97/13 đường N, Phường C, Quận D, Tp. Hồ Chí Minh.

(có đơn xin xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện có xác nhận đơn của Tòa án nhân dân Quận 3 ngày 28/3/2019, và bản tự khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông S trình bày: Năm 2008, ông T và bà T2 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân

phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế theo Giấy chứng nhận kết hôn số 43, quyển số 01/2008 ngày 13/5/2008. Trong quá trình chung sống đến năm 2016 bà T2 sinh một bé trai vào ngày 04/5/2016. Tuy nhiên trong quá trình vợ chồng chung sống, qua nhiều lần quan sát, tiếp xúc và tìm hiểu, theo ông T thì giữa ông và trẻ H không có những điểm tương đồng về sinh học như mặt mũi miệng và cả những sở thích... Mặt khác quá trình bà Thủy có thai thì ông đang ở xa nhà, nên ông nghi ngờ trẻ H không phải là con ruột của mình. Vì vậy ông khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định ông không phải là cha ruột của trẻ H.

Bà T2 là bị đơn trình bày:

Trong thời kỳ hôn nhân giữa bà và ông T đến năm 2016 bà mang thai và sinh một bé trai tên là H tại bệnh viện Hùng Vương, đến năm 2018 thì bà và ông đã ly hôn. Nay ông T yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 3 xác định trẻ H không phải là con ruột của ông T thì bà không có ý kiến, bà cũng không biết cha ruột trẻ H là ai, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên toà hôm nay:

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn bà T2 có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án theo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét đơn của nguyên đơn ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định giữa ông và trẻ H sinh ngày 04/5/2016 không có mối quan hệ cha con ruột, xét yêu cầu trên là phát sinh tranh chấp về Hôn nhân và gia đình được qui định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Xét bị đơn bà T2 và trẻ H đang tạm trú tại Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về tố tụng:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông S là đại diện theo ủy quyền và bị đơn bà T2 có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử

tiến hành xét xử vắng mặt ông S và bà T2 theo qui định tại khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự

[3]. Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ trích lục khai sinh số 137/TLKS-BS do Ủy ban nhân dân Phường 6 Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/5/2016 thì trẻ H có mẹ là T2, sinh năm 1981 và cha là ông T năm 1968.

Căn cứ lời trình bày của đại diện nguyên đơn thì năm 2008 ông T và bà T2 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phú Hiệp, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế theo Giấy chứng nhận kết hôn số 43, quyển số 01/2008 ngày 13/5/2008. Trong quá trình chung sống đến đầu năm 2016 bà 2 sinh một bé trai vào ngày 04/5/2016, tuy nhiên trong quá trình vợ chồng chung sống và theo sự quan sát của ông T thì ông nhận thấy trẻ có nhiều điểm khác biệt không giống ông, nên ông yêu cầu Tòa án xác định trẻ H không phải là con ruột của mình.

Căn cứ lời trình bày của bà T2 thì trong thời kỳ hôn nhân giữa bà và ông Đức bà có sinh trẻ H vào năm 2016, quá trình chung sống vợ chồng mâu thuẫn, đến năm 2018 thì bà và ông T đã ly hôn. Nay ông T yêu cầu Tòa án xác định trẻ H không phải là con ruột của ông T thì bà không có ý kiến, vì bà cũng không biết cha ruột của trẻ H là ai và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Căn cứ Bản kết luận giám định pháp y về ADN số 1.133-2019/ADN ngày 22/5/2019 của Trung tâm pháp y Sở y tế Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: *“T không phải là người cha sinh học của H.”*

Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định trẻ H không phải là con ruột của ông T. Vì vậy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở và phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí : Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 196, Điều 208, Điều 210, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Luật Phí và lệ phí và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử :

1. Chấp nhận yêu cầu của ông T

Xác nhận ông T không phải là cha của trẻ H sinh ngày 04/5/2016.

2. Án phí sơ thẩm 300.000 đồng ông T phải chịu. Ông T đã nộp đủ án phí theo biên lai số AA/2017/0019343 ngày 27/9/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3.

3. Về quyền kháng cáo:

Ông T và bà T2 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 3;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Phú Oanh